TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 406/2026/QĐST-HNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 337/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1993, Căn cước số: 000000000000 cấp ngày 05/3/2025 do Bộ Công an cấp; Địa chỉ: Số a đường b, xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Phan Thanh T, sinh năm 1994, Căn cước công dân số 000000000000 cấp ngày 12/02/2022 do Cục cảnh sát quản lý trật tự xã hội cấp; Địa chỉ thường trú: số c đường d, xã Tân Thạnh, Cần Thơ; Địa chỉ: Số a đường b, xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05 tháng 3 năm 2026 và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ những nội dung các đương sự thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Phan Thanh T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh, huyện

Long Phú, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 13/11/2015. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2023 do đời sống chung không hòa hợp, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Dù hai bên đã cố gắng nhiều lần hàn gắn hạnh phúc nhưng không thành, hiện tình cảm vợ chồng đã không còn đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Phan Thanh T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Phan Thanh T xác nhận có 02 (hai) con chung tên là Phan Thanh L, sinh ngày 29/4/2016 và Phan Ngọc Gia H, sinh ngày 26/7/2022 ngoài ra không còn con chung nào khác. Vợ chồng thỏa thuận giao 02 (hai) con chung tên là Phan Thanh L và Phan Ngọc Gia H cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ trực tiếp nuôi dưỡng, ông Phan Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi trẻ là 2.000.000 (Hai triệu đồng)/ tháng, tổng cộng 02 (hai) con chung mỗi tháng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 28 (dương lịch) hàng tháng; bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 28/3/2026 cho đến khi con chung thành niên. Thi hành tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Phan Thanh T cùng xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Phan Thanh T cùng xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Phan Thanh T chịu.

Xét bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Phan Thanh T thực sự tự nguyện ly hôn, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Hai bên đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và về nợ chung: Không có. Sự thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội theo quy định tại Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu của các đương sự. Về lệ phí, bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Phan Thanh T chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Phan Thanh T thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94/2015, quyển số 01/2014 ngày 13/11/2015 do Ủy ban nhân dân Xã Tân Thạnh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cấp).

- Về nuôi con chung Bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Phan Thanh T xác nhận có 02 (hai) con chung tên là Phan Thanh L, sinh ngày 29/4/2016 và Phan Ngọc Gia H, sinh ngày 26/7/2022 ngoài ra không còn con chung nào khác. Vợ chồng thỏa thuận giao 02 (hai) con chung tên là Phan Thanh L và Phan Ngọc Gia H cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ trực tiếp nuôi dưỡng, ông Phan Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi trẻ

là 2.000.000 (Hai triệu đồng)/ tháng, tổng cộng 02 (hai) con chung mỗi tháng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 28 (dương lịch) hàng tháng; bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 28/3/2026 cho đến khi con chung thành niên. Thi hành tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện việc cấp dưỡng theo thỏa thuận nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Phan Thanh T cùng xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Phan Thanh T cùng xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Phan Thanh T chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0012286 ngày 11/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV10;
- THADS TPHCM;
- UBND thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;

- Lưu VP, hồ sơ.

Võ Thị Mỹ Tiên